

Số: 2881/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Di sản văn hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính cấp trung ương có số thứ tự 18, 19, 20, 21 tại mục A2 (Di sản văn hóa) và các thủ tục hành chính cấp tỉnh có số thứ tự 9, 10 tại mục A1 (Di sản văn hóa) ban hành theo Quyết định số 3637/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Bộ (Công thông tin điện tử);
- Các Sở VH, TDL, S, VHTT;
- Lưu: VT, DSVH, CT.86.



Nguyễn Ngọc Thiện

www.LuatVietnam.vn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2881/QĐ-BVHTTDL
ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng chuyên ngành ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng ngoài công lập và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

6	Đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
---	--	----------------	---------------------------------

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	B-BVH-278831-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao
2	B-BVH-278832-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao
3	B-BVH-278821-TT	Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

4	B- BVH- 278822- TT	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao
5	B- BVH- 278819- TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao
6	B- BVH- 278820- TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước

** Trình tự thực hiện:*

- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản thông báo mục đích, yêu cầu phối hợp thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm theo danh mục bảo vật quốc gia theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ) đến Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia gửi văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đồng ý tham gia việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; trường hợp không đồng ý cần nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận đồng ý, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định).

- Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự sau:

+ Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản;

+ Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết;

+ Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định;

+ Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam;

+ Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.

* *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

* *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản xác nhận đồng ý tham gia việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia;

(2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

(5) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu bảo vật quốc gia đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia gửi văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đồng ý tham gia việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; trường hợp không đồng ý cần nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận đồng ý, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định).

* *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

* *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia.

* *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định hành chính.

* *Lệ phí:* Không.

* *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

* *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

1. Phải bảo đảm các điều kiện:

- Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia;

- Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm.

4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

6. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

* *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010.

- Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2016.

www.LuatVietnam.vn

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

DANH MỤC BẢO VẬT QUỐC GIA
ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI ĐỀ ...²

Tên bảo vật quốc gia ³	Chất liệu chính	Số lượng	Nguồn gốc	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê	Hình ảnh	Số và ngày QĐ BVQG
2	3	4	5	6	7	8	9	10

Tổng số bảo vật quốc gia: ... (Bằng chữ: ...)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Ban ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
² Để đề trung bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.
³ Hình xác tên bảo vật quốc gia theo Quyết định công nhận.

2. Thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam

** Trình tự thực hiện:*

- Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chủ quản của bảo tàng quốc gia gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định); trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự:

+ Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản;

+ Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết;

+ Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định;

+ Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.

** Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

** Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

(5) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu bảo vật quốc gia đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

** Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định); trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức.

** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chủ quản của bảo tàng quốc gia.

** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định hành chính.

** Lệ phí:* Không.

** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

- Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

1. Phải bảo đảm các điều kiện:

- Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia;

- Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm.

4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

6. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010.

- Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2016.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị đưa bảo vật quốc gia
ra nước ngoài

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ...¹ mang (số lượng, theo Danh mục...) bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Mục đích:

(Nêu rõ mục đích đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để: trưng bày, triển lãm; nghiên cứu hoặc bảo quản.)

3. Nội dung/Kết quả dự kiến:

(- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm: Nêu rõ mục đích, nội dung trưng bày, triển lãm;

- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản: Nêu rõ mục đích/lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến.)

4. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận) bảo vật quốc gia tại nước ngoài:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ:

- Quốc gia:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

5. Thời gian đưa bảo vật quốc gia đi... (tên nước đưa bảo vật quốc gia đi):

- Thời gian trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài:

- Thời gian đưa đi:

- Thời gian về đến Việt Nam:

6. Cam kết đưa bảo vật quốc gia về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu, hoặc bảo quản:

Tài liệu kèm theo:

-

-

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**DANH MỤC BẢO VẬT QUỐC GIA
ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI ĐỀ ...²**

T	Tên bảo vật quốc gia ³	Chất liệu chính	Số lượng	Nguồn gốc	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê	Hình ảnh	Số và ngày QĐ BVQG
	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Tổng số bảo vật quốc gia: ... (Bằng chữ: ...)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
² rõ để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.
³ chính xác tên bảo vật quốc gia theo Quyết định công nhận.

3. Thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng chuyên ngành ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam

** Trình tự thực hiện:*

- Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự:

+ Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản;

+ Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết;

+ Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định;

+ Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam.

- Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.

** Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

(5) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu bảo vật quốc gia đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* Thời hạn giải quyết:

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

* Lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

- Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

1. Phải bảo đảm các điều kiện:

- Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia;
- Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm.

4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

6. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010.

- Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2016.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

V/v đề nghị đưa bảo vật quốc gia
ra nước ngoài

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ...¹ mang (số lượng, theo Danh mục...) bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Mục đích:

(Nêu rõ mục đích đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để: trưng bày, triển lãm; nghiên cứu hoặc bảo quản.)

3. Nội dung/Kết quả dự kiến:

(- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm: Nêu rõ mục đích, nội dung trưng bày, triển lãm;

- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản: Nêu rõ mục đích/lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến.)

4. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận) bảo vật quốc gia tại nước ngoài:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ: - Quốc gia:

- Điện thoại: - Fax:

- Email:

5. Thời gian đưa bảo vật quốc gia đi... (tên nước đưa bảo vật quốc gia đi):

- Thời gian trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài:

- Thời gian đưa đi:

- Thời gian về đến Việt Nam:

6. Cam kết đưa bảo vật quốc gia về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu, hoặc bảo quản:

Tài liệu kèm theo:

-

-

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

DANH MỤC BẢO VẬT QUỐC GIA
ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI ĐỂ ...²

Tên bảo vật quốc gia ³	Chất liệu chính	Số lượng	Nguồn gốc	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê	Hình ảnh	Số và ngày QĐ BVQG
2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bảo vật quốc gia: ... (Bằng chữ: ...)

ĐI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
² Bảo vật quốc gia là bảo vật có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, thẩm mỹ, nghiên cứu hoặc bảo quản.
³ Tên bảo vật quốc gia theo Quyết định công nhận.

4. Thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng ngoài công lập và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam

** Trình tự thực hiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự:

+ Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản;

+ Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết;

+ Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định;

+ Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.

** Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

** Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

(5) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu bảo vật quốc gia đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

(6) Văn bản thỏa thuận giữa bảo tàng ngoài công lập hoặc tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia với bảo tàng công lập là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập hoặc sở hữu tư nhân.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

* *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định hành chính.

* *Lệ phí:* Không.

* *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

- Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

1. Phải bảo đảm các điều kiện:

- Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia;
- Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm.

4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

6. Bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập và bảo vật quốc gia thuộc sở hữu tư nhân được đưa ra nước ngoài khi có bảo tàng công lập đại diện cho chủ sở hữu trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài.

7. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010.

- Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2016.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

V/v đề nghị đưa bảo vật quốc gia
ra nước ngoài

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ...¹ mang (số lượng, theo Danh mục...) bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Mục đích:

(Nêu rõ mục đích đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để: trưng bày, triển lãm; nghiên cứu hoặc bảo quản.)

3. Nội dung/Kết quả dự kiến:

(- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm: Nêu rõ mục đích, nội dung trưng bày, triển lãm;

- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản: Nêu rõ mục đích/lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến.)

4. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận) bảo vật quốc gia tại nước ngoài:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ:

- Quốc gia:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

5. Thời gian đưa bảo vật quốc gia đi... (tên nước đưa bảo vật quốc gia đi):

- Thời gian trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài:

- Thời gian đưa đi:

- Thời gian về đến Việt Nam:

6. Cam kết đưa bảo vật quốc gia về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu, hoặc bảo quản:

Tài liệu kèm theo:

-

-

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

DANH MỤC BẢO VẬT QUỐC GIA
ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI ĐỂ ...²

T	Tên bảo vật quốc gia ³	Chất liệu chính	Số lượng	Nguồn gốc	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê	Hình ảnh	Số và ngày QĐ BVQG
	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Tổng số bảo vật quốc gia: ... (Bằng chữ: ...)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
² rõ để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.
³ chính xác tên bảo vật quốc gia theo Quyết định công nhận.

5. Thủ tục đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản

** Trình tự thực hiện:*

- Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chủ quản di tích gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự:

+ Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản;

+ Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết;

+ Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định;

+ Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam;

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.

** Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

** Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

(5) Bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

** Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức.

** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định hành chính.

** Lệ phí:* Không.

** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ

tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

- Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

1. Phải bảo đảm các điều kiện:

- Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia;
- Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm.

4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

6. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010.

- Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2016.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị đưa bảo vật quốc gia
ra nước ngoài

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ...¹ mang (số lượng, theo Danh mục...) bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Mục đích:

(Nêu rõ mục đích đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để: trưng bày, triển lãm; nghiên cứu hoặc bảo quản.)

3. Nội dung/Kết quả dự kiến:

(- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm: Nêu rõ mục đích, nội dung trưng bày, triển lãm;

- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản: Nêu rõ mục đích/lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến.)

4. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận) bảo vật quốc gia tại nước ngoài:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ:

- Quốc gia:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

5. Thời gian đưa bảo vật quốc gia đi... (tên nước đưa bảo vật quốc gia đi):

- Thời gian trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài:

- Thời gian đưa đi:

- Thời gian về đến Việt Nam:

6. Cam kết đưa bảo vật quốc gia về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu, hoặc bảo quản:

Tài liệu kèm theo:

-

-

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

DANH MỤC BẢO VẬT QUỐC GIA
ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI ĐỀ ...²

Tên bảo vật quốc gia³	Chất liệu chính	Số lượng	Nguồn gốc	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê	Hình ảnh	Số và ngày QĐ BVQG
<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>

Đồng số bảo vật quốc gia: ... (Bằng chữ: ...)

ĐI LẬP DANH SÁCH

Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
² Danh mục bảo vật quốc gia để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.
³ Ghi rõ họ tên bảo vật quốc gia theo Quyết định công nhận.

6. Thủ tục đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản

** Trình tự thực hiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự quy định:

+ Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản;

+ Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết;

+ Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định;

+ Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam;

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.

** Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

** Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

(5) Bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

(6) Văn bản thỏa thuận giữa bảo tàng ngoài công lập hoặc tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia với bảo tàng công lập là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập hoặc sở hữu tư nhân.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

* *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định hành chính.

* *Lệ phí:* Không.

* *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ

(1) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

(3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

(5) Bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

(6) Văn bản thỏa thuận giữa bảo tàng ngoài công lập hoặc tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia với bảo tàng công lập là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập hoặc sở hữu tư nhân.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

* *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định hành chính.

* *Lệ phí:* Không.

* *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ

tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

- Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản).

** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

1. Phải bảo đảm các điều kiện:

- Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia;
- Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm.

4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

6. Bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập và bảo vật quốc gia thuộc sở hữu tư nhân được đưa ra nước ngoài khi có bảo tàng công lập đại diện cho chủ sở hữu trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài.

7. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010.

- Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2016.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...
V/v đề nghị đưa bảo vật quốc gia
ra nước ngoài

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ...¹ mang (số lượng, theo Danh mục...) bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Mục đích:

(Nêu rõ mục đích đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để: trưng bày, triển lãm; nghiên cứu hoặc bảo quản.)

3. Nội dung/Kết quả dự kiến:

(- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm: Nêu rõ mục đích, nội dung trưng bày, triển lãm;

- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản: Nêu rõ mục đích/lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến.)

4. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận) bảo vật quốc gia tại nước ngoài:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ:

- Quốc gia:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

5. Thời gian đưa bảo vật quốc gia đi... (tên nước đưa bảo vật quốc gia đi):

- Thời gian trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài:

- Thời gian đưa đi:

- Thời gian về đến Việt Nam:

6. Cam kết đưa bảo vật quốc gia về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu, hoặc bảo quản:

Tài liệu kèm theo:

-;

-;

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

DANH MỤC BẢO VẬT QUỐC GIA
ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI ĐỂ ...²

T	Tên bảo vật quốc gia ³	Chất liệu chính	Số lượng	Nguồn gốc	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê	Hình ảnh	Số và ngày QĐ BVQG
	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Tổng số bảo vật quốc gia: ... (Bằng chữ: ...)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
rõ để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.
chính xác tên bảo vật quốc gia theo Quyết định công nhận.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

* *Trình tự thực hiện:*

- Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao nơi cơ sở kinh doanh giám định có trụ sở trên địa bàn.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

* *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

(2) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;

(3) Danh sách kèm theo lý lịch khoa học theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và bản sao văn bằng, chứng chỉ của các chuyên gia;

(4) Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia;

(5) Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định;

(6) Danh mục các nguồn tài liệu về cổ vật để phục vụ hoạt động giám định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

* *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức.

* *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

* *Lệ phí:* Không.

** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

- Lý lịch khoa học của chuyên gia giám định cổ vật (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật phải bảo đảm các điều kiện sau:

- 1. Có kho lưu giữ, bảo quản hiện vật giám định.*
- 2. Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký.*
- 3. Có nguồn tài liệu về cổ vật để tham khảo, phục vụ hoạt động giám định cổ vật.*
- 4. Có ít nhất 03 chuyên gia giám định cổ vật về các chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

....., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ... ngày cấp.../.../....

nơi cấp.....

Căn cứ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên cơ sở giám định cổ vật) trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../Sở Văn hóa và Thể thao..... xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

3. Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

.....

4. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

(ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người ký)

..... ngày ... tháng năm

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: Năm sinh:; Giới tính:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số...ngày cấp.../.../...nơi cấp..
- Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

2. Học hàm, học vị:

- Học hàm (giáo sư, phó giáo sư):
- Học vị (tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân,):

3. Quá trình công tác:

- Từ nămđến năm..... (làm việc ở đâu):.....
- Từ nămđến năm..... (làm việc ở đâu):.....

4. Kinh nghiệm chuyên môn về giám định cổ vật:

- a) Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giám định cổ vật:
- b) Một số công trình/dự án đã thực hiện liên quan đến giám định cổ vật:....

5. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung khai;
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

.....ngày tháng năm.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên,
chức vụ người ký)*

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

** Trình tự thực hiện:*

- Khi bị mất, bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp, cơ sở kinh doanh giám định cổ vật nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao nơi cơ sở kinh doanh giám định có trụ sở trên địa bàn (Sở đã cấp Giấy chứng nhận) để đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

** Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.*

** Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

(2) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin;

Trường hợp thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp thì phải gửi kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến sự thay đổi thông tin.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

** Thời hạn giải quyết:*

05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.*

** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.*

** Lệ phí: Không.*

** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

www.LuatVietnam.vn

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

....., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:
- Điện thoại:

2. Nội dung: Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

Số Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Ngày cấp:.....

Lý do cấp lại:

- Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất);
- Giấy chứng nhận đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);
- Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận đã được cấp (nêu rõ những thông tin đề nghị thay đổi).

3. Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-

4. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề giám định cổ vật;
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người ký)

3. Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

* *Trình tự thực hiện:*

- Cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

* *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

(2) Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;

- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

- Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

(3) Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích;

(4) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

* Lệ phí: Không

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân khi đáp ứng các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thể sau:

1. Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

www.LuatVietnam.vn

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....

- 1. Họ và tên** (viết bằng chữ in hoa):
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số.....
ngày cấp...../...../.....nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú:

2. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo được ghi trong văn bằng, chứng chỉ đã được cấp):

3. Kinh nghiệm chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (ghi theo bản khai kinh nghiệm chuyên môn đã được tổ chức nơi đã làm việc hoặc đang làm việc xác nhận):.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, tôi trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....xem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau: (căn cứ vào quy định tại Điều 9 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề).

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); cam kết hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo đúng nội dung ghi trong Chứng chỉ hành nghề được cấp, thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

4. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

* Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao (Sở đã cấp Chứng chỉ hành nghề).

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

(2) Bản chính Chứng chỉ hành nghề đã được cấp đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng;

(3) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp lại;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Chứng chỉ hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao chứng chỉ, chứng nhận:

- Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề:

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

- Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

* Lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp (đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề):.....

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề.

- Số Chứng chỉ hành nghề đã cấp:

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ

(Ký, ghi rõ họ, tên đối với cá nhân)

5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

* Trình tự thực hiện:

- Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao nơi tổ chức hành nghề tu bổ di tích có trụ sở trên địa bàn.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

(2) Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:

- Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

- Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

- Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

- Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

(3) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có

trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.

* Lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận hành nghề) được cấp cho tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể sau:

1. Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

2. Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

3. Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

4. Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích:

- a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;
- c) Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

www.LuatVietnam.vn

Ghi chú: Phần chữ *in nghiêng* là nội dung được sửa đổi, bổ sung

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Chức danh:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên tổ chức) trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao..... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau: (căn cứ vào quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề).

3. Cam kết: (tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu)

6. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

* *Trình tự thực hiện:*

- Tổ chức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao (Sở đã cấp Giấy chứng nhận).

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

* *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

(2) Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao:

- Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:

+ Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 03 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.

* Lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

TÊN TỔ CHỨC

(Đối với trường hợp tổ chức yêu cầu
cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../
Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp:


- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan. 

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu đối với tổ chức)